

Số: .../201.../NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 201...

Dự thảo 14

**Nghị định Quy định chi tiết thi hành
một số điều của Luật An toàn thực phẩm**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/QH12/2010 ngày 17 tháng 6 năm 2010;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành khoản 3 Điều 12, khoản 2 Điều 15, khoản 4 Điều 17, khoản 3 Điều 18, khoản 3 Điều 34; khoản 3 Điều 39; khoản 2 Điều 44, Điều 61, 62, 63, 64 và Điều 65 của Luật An toàn thực phẩm về:

1. Công bố hợp quy và thời hạn của giấy xác nhận công bố hợp quy đối với thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến và vật liệu bao gói, dụng cụ chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

2. Quy định về bảo đảm an toàn đối với sức khỏe con người và môi trường của thực phẩm biến đổi gen. Ghi nhãn đối với thực phẩm biến đổi gen.

3. Đối tượng sản xuất, kinh doanh không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

4. Miễn kiểm tra nhà nước và kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với một số thực phẩm nhập khẩu; trình tự thủ tục kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm tại nước sẽ xuất khẩu vào Việt nam theo Điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên.

5. Ghi hạn sử dụng trên nhãn đối với thực phẩm.

6. Phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực:

a) Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Y tế;

b) Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;

c) Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Công thương;

d) Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Ủy ban nhân dân các cấp.

đ) Quan hệ phối hợp giữa các bộ, ngành trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cá nhân, cơ quan, tổ chức Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam và cá nhân, tổ chức xuất khẩu thực phẩm vào Việt Nam (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, cá nhân).

Chương II

CÔNG BỐ HỢP QUY

MỤC 1

ĐỐI TƯỢNG PHẢI CÔNG BỐ HỢP QUY, DẤU HỢP QUY

Điều 3. Đối tượng phải công bố hợp quy

1. Đối với những thực phẩm đã có quy chuẩn kỹ thuật thì phải đăng ký bản công bố hợp quy theo Điều 5 của Nghị định này.

2. Đối với những thực phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật thì phải công bố phù hợp điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo Điều 7 của Nghị định này.

3. Đối với thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng phải đăng ký lưu hành. Bộ Y tế hướng dẫn cụ thể thủ tục đăng ký lưu hành thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

Điều 4. Dấu hợp quy đối với sản phẩm thực phẩm

Sản phẩm thực phẩm quy định tại Điều 3 Khoản 1 của Nghị định này được sử dụng dấu hợp quy đối với sản phẩm sau khi được cơ quan quản lý nhà nước cấp giấy xác nhận công bố hợp quy.

Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn cụ thể việc sử dụng dấu hợp quy đối với sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý nhà nước được phân công.

MỤC 2

THỦ TỤC, THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN, CẤP GIẤY XÁC NHẬN CÔNG BỐ HỢP QUY VÀ THỜI HẠN CỦA GIẤY XÁC NHẬN CÔNG BỐ HỢP QUY

Điều 5. Công bố hợp quy và xác nhận công bố hợp quy hoặc xác nhận phù hợp điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với thực phẩm trước khi đưa ra thị trường

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã chế biến bao gói sẵn, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, vật liệu bao gói, dụng cụ chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm trước khi đưa ra thị trường phải công bố phù hợp các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định tại Điều 3 của Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải đăng ký bản công bố phù hợp các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Bộ quản lý ngành. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cấp Giấy xác nhận công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận phù hợp điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thực phẩm theo mẫu quy định tại **Phụ lục 2** của Nghị định này.

Điều 6. Hồ sơ công bố hợp quy

1. Đối với thực phẩm sản xuất trong nước, hồ sơ gồm:

a) Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định;

- Bản công bố hợp quy theo mẫu quy định tại **Phụ lục 1** của Nghị định này;

- Bản gốc hoặc Bản sao hợp pháp chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp của thực phẩm kèm theo Báo cáo đánh giá hợp quy do tổ chức chứng nhận hợp quy cấp.

Riêng nước khoáng thiên nhiên phải có thêm phiếu kết quả kiểm nghiệm đối với nước khoáng tại nguồn;

- Mẫu có gắn nhãn và nhãn hoặc dự thảo nội dung ghi nhãn sản phẩm phù hợp với pháp luật về nhãn, có đóng dấu của doanh nghiệp;

- Bản mô tả chung về thực phẩm (theo quy định ở **Phụ lục 3a, 3b**)

- Quy trình sản xuất và kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng và áp dụng theo mẫu quy định tại **Phụ lục 4** của Nghị định này hoặc bản sao chứng chỉ phù hợp với hệ thống quản lý chất lượng;

- Kế hoạch giám sát định kỳ;

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm (nếu bắt buộc).

b) Đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh:

- Bản công bố hợp quy theo mẫu quy định tại **Phụ lục 1** của Nghị định này;

- Kết quả kiểm nghiệm của phòng kiểm nghiệm được chỉ định. Riêng nước khoáng thiên nhiên phải có thêm phiếu kết quả kiểm nghiệm đối với nước khoáng tại nguồn;

- Quy trình sản xuất và kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng và áp dụng theo mẫu quy định tại **Phụ lục 4** của Nghị định này hoặc bản sao chứng chỉ phù hợp với hệ thống quản lý chất lượng;

- Kế hoạch giám sát định kỳ;

- Báo cáo đánh giá hợp quy kèm theo các tài liệu có liên quan;

- Mẫu có gắn nhãn và nhãn hoặc dự thảo nội dung ghi nhãn sản phẩm phù hợp với pháp luật về nhãn (có đóng dấu của doanh nghiệp);

- Bản mô tả chung về thực phẩm (theo quy định tại **Phụ lục 3a, 3b**);

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm (*nếu bắt buộc*).

2. Đối với thực phẩm nhập khẩu, hồ sơ gồm:

a) Theo quy định tại khoản 1 của Điều này;

b) Nhãn sản phẩm và dự thảo nội dung ghi nhãn phụ (có đóng dấu của doanh nghiệp nhập khẩu);

c) Giấy chứng nhận lưu hành tự do hoặc các Giấy tờ khác có nội dung xác nhận sản phẩm thực phẩm an toàn cho người sử dụng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước xuất xứ (*nếu bắt buộc*).

Điều 7. Hồ sơ công bố phù hợp điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm

1. Bản công bố phù hợp điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo mẫu quy định tại **Phụ lục 1** của Nghị định này;

2. Kết quả kiểm nghiệm của phòng kiểm nghiệm được chỉ định. Riêng nước khoáng thiên nhiên phải có thêm phiếu kết quả kiểm nghiệm đối với nước khoáng tại nguồn;

3. Quy trình sản xuất và kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng và áp dụng theo mẫu quy định tại **Phụ lục 4** của Nghị định này hoặc bản sao chứng chỉ phù hợp với hệ thống quản lý chất lượng;

4. Kế hoạch giám sát định kỳ;

5. Mẫu có gắn nhãn và nhãn hoặc dự thảo nội dung ghi nhãn sản phẩm phù hợp với pháp luật về nhãn (có đóng dấu của doanh nghiệp);

6. Bản mô tả chung về thực phẩm (theo quy định tại **Phụ lục 3a, 3b**);

7. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm (*nếu bắt buộc*).

Điều 8. Thủ tục tiếp nhận và cấp giấy xác nhận công bố hợp quy hoặc giấy xác nhận phù hợp điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm

1. Bộ quản lý ngành và các cơ quan có thẩm quyền được Bộ quản lý ngành phân cấp tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

2. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, các cơ quan này có trách nhiệm xem xét và cấp giấy xác nhận công bố hợp quy hoặc giấy xác nhận phù hợp điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong trường hợp hồ sơ công bố đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Nghị định này.

Trường hợp hồ sơ công bố không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định này, cơ quan quản lý và tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố về những điểm, nội dung chưa phù hợp để hoàn thiện và thực hiện việc đăng ký lại.

Điều 9. Thời hạn của giấy xác nhận công bố hợp quy hoặc giấy xác nhận phù hợp điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm

1. Giấy xác nhận công bố hợp quy hoặc giấy xác nhận phù hợp điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm có hiệu lực trong thời gian:

- a) 5 năm đối với sản phẩm của cơ sở sản xuất có một trong các chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến: HACCP, GMP và ISO 9001.
- b) 3 năm đối với sản phẩm của cơ sở sản xuất không có các chứng chỉ trên.
- c) 2 năm đối với sản phẩm của cơ sở sản xuất quy mô hộ gia đình.

2. Trước khi hết thời hạn 3 tháng, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải nộp hồ sơ xin cấp lại Giấy xác nhận. Hồ sơ, thủ tục xin cấp lại được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 của Nghị định này.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ BẢO ĐẢM AN TOÀN ĐỐI VỚI SỨC KHỎE CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG CỦA THỰC PHẨM BIẾN ĐỔI GEN

Điều 10. Điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm có thành phần từ sinh vật biến đổi gen

1. Sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen sử dụng làm thực phẩm phải được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm hoặc có tên trong Danh mục sinh vật biến đổi gen được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm theo qui định của pháp luật

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh thực phẩm và qui định của pháp luật về vận chuyển, lưu giữ sinh vật biến đổi gen..

3. Các lô hàng sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen nhập khẩu vào Việt Nam cho mục đích sử dụng làm thực phẩm hoặc chế biến làm thực phẩm phải kèm theo Giấy chứng nhận lưu hành tự do của nước xuất khẩu và các giấy chứng nhận khác về an toàn thực phẩm theo qui định của pháp luật.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Hội đồng an toàn thực phẩm biến đổi gen; công bố Báo cáo đánh giá rủi ro của sinh vật biến đổi gen đối với sức khỏe con người; qui định mẫu, cấp và thu hồi Giấy xác nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm; lập và công bố Danh mục sinh vật biến đổi gen được cấp Giấy xác nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm; qui định cụ thể thủ tục nhập khẩu thực phẩm biến đổi gen, sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen sử dụng làm thực phẩm theo qui định của pháp luật.

Điều 11. Ghi nhãn đối với hàng hoá chứa sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen sử dụng làm thực phẩm.

1. Tổ chức, cá nhân lưu thông thực phẩm có chứa sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen trên thị trường với tỷ lệ lớn hơn 5% mỗi thành phần thì ngoài việc phải tuân thủ các quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa còn phải thể hiện các thông tin liên quan đến sinh vật biến đổi gen trên nhãn hàng hóa.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì và phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chi tiết việc ghi nhãn đối với thực phẩm có chứa sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen

Chương IV

ĐỐI TƯỢNG SẢN XUẤT KINH DOANH KHÔNG THUỘC DIỆN PHẢI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 12. Phạm vi đối tượng sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chỉ được phép hoạt động khi có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thực phẩm theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, phải có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại Chương IV của Luật An toàn thực phẩm và được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải tiến hành thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

theo đúng quy định tại Chương V của Luật An toàn thực phẩm, trừ các trường hợp sau đây:

- a) Sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, hộ gia đình;
- b) Kinh doanh thức ăn đường phố, bán hàng rong;
- c) Kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn không yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt theo quy định;

3. Các bộ quản lý ngành lĩnh vực ban hành danh mục cụ thể loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện phải có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình.

Điều 13. Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm phải bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, kinh doanh mà giấy chứng nhận có hiệu lực.

2. Trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm không tuân thủ quy định về an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh, không bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định đến lần thứ ba hoặc có vi phạm nghiêm trọng phạm vi giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm thì bị thu hồi giấy chứng nhận và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐỐI TƯỢNG NHẬP KHẨU ĐƯỢC MIỄN KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM; KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TẠI NƯỚC XUẤT KHẨU

Điều 14. Đối tượng thực phẩm nhập khẩu được miễn kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm

Những thực phẩm nhập khẩu thuộc các trường hợp sau đây được miễn kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm:

1. Thực phẩm mang theo người nhập cảnh để tiêu dùng cá nhân trong định mức được miễn thuế nhập khẩu;
2. Thực phẩm trong túi ngoại giao, túi lãnh sự;
3. Thực phẩm quá cảnh, chuyên khẩu;
4. Thực phẩm gửi kho ngoại quan;

5. Thực phẩm là mẫu thử nghiệm hoặc nghiên cứu.

Điều 15. Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm tại nước xuất khẩu

1. Trước khi xuất khẩu thực phẩm vào Việt Nam các tổ chức, cá nhân phải đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định.

2. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam xây dựng kế hoạch kiểm tra, thông báo và phối hợp với cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu thực hiện kiểm tra hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm của nước xuất khẩu và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm xuất khẩu vào Việt Nam.

Bộ trưởng Bộ quản lý ngành hướng dẫn cụ thể trình tự, thủ tục kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu.

Chương VI

GHI HẠN SỬ DỤNG TRÊN NHÃN THỰC PHẨM

Điều 16. Ghi hạn sử dụng trên nhãn thực phẩm

1. Hạn sử dụng an toàn bắt buộc phải ghi “ngày hết hạn sử dụng”, hoặc “hạn sử dụng cuối cùng” đối với những thực phẩm dễ có khả năng bị hư hỏng do vi sinh vật. Hạn sử dụng an toàn đối với các thực phẩm khác có thể ghi “sử dụng tốt nhất trước ngày” phù hợp với loại sản phẩm thực phẩm.

2. Đối với thực phẩm ghi “ngày hết hạn sử dụng” hoặc “hạn sử dụng cuối cùng” thì không được phép bán ra thị trường khi đã quá thời hạn này.

3. Đối với thực phẩm ghi “sử dụng tốt nhất trước ngày” thì sau thời điểm này thực phẩm vẫn được phép bán trên thị trường nếu nhà sản xuất chứng minh được thực phẩm đó an toàn. Chỉ nhà sản xuất ra thực phẩm đó mới được kéo dài hạn sử dụng cho thực phẩm đó.

4. Bộ quản lý ngành hướng dẫn cụ thể đối với việc ghi hạn sử dụng trên nhãn thực phẩm.

Chương VII

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

MỤC I

PHÂN CÔNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 17. Nguyên tắc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

1. Trên cơ sở các quy định của Luật An toàn thực phẩm và bảo đảm phù hợp với quy định của Luật này.

2. Một đối tượng sản phẩm thực phẩm, cơ sở sản xuất kinh doanh chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

3. Bảo đảm việc quản lý xuyên suốt toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm và trong phạm vi chức năng quản lý nhà nước của từng bộ.

4. Các nhóm thực phẩm, sản phẩm thực phẩm có chứa nhiều thành phần mà các thành phần đó thuộc trách nhiệm quản lý của các Bộ khác nhau thì trách nhiệm quản lý thuộc về Bộ quản lý thành phần chính, hoặc thành phần quyết định đặc tính đặc trưng, tên gọi của sản phẩm.

5. Bảo đảm tính khoa học, đầy đủ và khả thi.

6. Chính phủ kịp thời điều chỉnh phù hợp về phân công cụ thể trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các bộ quản lý ngành nhằm bảo đảm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước khi có sự thay đổi trong thực tiễn quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm hoặc về tình hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong từng giai đoạn kinh tế xã hội.

7. Các Bộ có liên quan ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn, phân công quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong trường hợp có sự chồng chéo, trùng lặp về phạm vi được phân công quản lý giữa các Bộ quản lý ngành hoặc xuất hiện các đối tượng mới ngoài các đối tượng đã phân công cho các Bộ tại Điều.... Nghị định này. Trường hợp cần thiết Bộ Y tế tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc phân công quản lý phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các Bộ.

8. Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Thực hiện phân cấp cho Ủy ban nhân dân các cấp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa phương.

Điều 18. Nội dung phân công trách nhiệm trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

1. Phân công thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch và văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm.

3. Ban hành và tổ chức thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn thực phẩm.

4. Quản lý việc công bố hợp qui, công bố phù hợp điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

5. Quản lý hệ thống kiểm nghiệm về an toàn thực phẩm.
6. Quản lý việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về an toàn thực phẩm.
7. Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức và pháp luật về an toàn thực phẩm.
8. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm.
9. Tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.
10. Hợp tác quốc tế về an toàn thực phẩm.

Điều 19. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Y tế

1. Bộ Y tế chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.
2. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Bộ Y tế có trách nhiệm:
 - a) Thực hiện các quy định về trách nhiệm chung trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm quy định tại khoản 1 Điều 62 của Luật An toàn thực phẩm;
 - b) Báo cáo định kỳ, đột xuất với Chính phủ về công tác quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm chung của Bộ Y tế theo quy định của Luật An toàn thực phẩm;
 - c) Xây dựng, quản lý hệ thống kiểm nghiệm an toàn thực phẩm đáp ứng yêu cầu quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý;
 - d) Quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với:
 - Phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến;
 - Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên;
 - Thực phẩm chức năng:
 - + Thực phẩm bổ sung: sản phẩm thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng để phòng chống thiếu hụt vi chất dinh dưỡng trong cộng đồng, sản phẩm thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng;
 - + Thực phẩm bảo vệ sức khỏe: sản phẩm dùng cho các đối tượng đặc biệt (bao gồm: trẻ nhỏ, phụ nữ mang thai và cho con bú, người già, người lao động nặng, người béo phì, vận động viên) và các sản phẩm dùng cho đối tượng khác có chứa hoạt chất sinh học nhằm hỗ trợ một hoặc một số chức năng cụ thể của cơ thể con người;
 - + Thực phẩm dinh dưỡng y học: sản phẩm đặc biệt có chỉ định và cách sử dụng với sự giúp đỡ và giám sát của thầy thuốc;
 - Và các sản phẩm thực phẩm khác không thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các Bộ quản lý ngành khác.

đ) Quản lý an toàn thực phẩm đối với các khu nghỉ dưỡng, khách sạn, nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.

e) Thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với quá trình sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu đối với các sản phẩm thuộc phạm vi quản lý quy định tại các điểm c, d và đ khoản này; thanh tra, kiểm tra liên ngành, đột xuất đối với quá trình sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của các bộ khác khi cần thiết; phối hợp với các bộ quản lý ngành khác kiểm tra, kiểm soát về an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thực phẩm, việc thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chỉ tiêu và mức giới hạn an toàn đối với sản phẩm thực phẩm; dụng cụ bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các bộ quản lý ngành đó.

f) Thực hiện các trách nhiệm khác được phân công theo quy định tại khoản 2 Điều 62 của Luật an toàn thực phẩm.

Điều 20. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Quản lý an toàn thực phẩm đối với sản xuất ban đầu nông, lâm, thủy sản, muối bao gồm: quá trình trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác nông, lâm, thủy sản; sản xuất muối;

2. Quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với:

a) Nhóm các thực phẩm có nguồn gốc thực vật: Ngũ cốc; Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả; thực phẩm dưới dạng thô, sơ chế, chế biến từ cây trồng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và khai thác tự nhiên khác (chè, cà phê, ca cao, hạt tiêu, hạt điều, thảo quả, rong biển,...);

b) Nhóm các thực phẩm có nguồn gốc động vật: Thịt và các sản phẩm từ thịt; Trứng và các sản phẩm từ trứng; Sữa tươi nguyên liệu; Mật ong và các sản phẩm từ mật ong;

c) Nhóm các thực phẩm có nguồn gốc thủy sản: Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư);

d) Thực phẩm biến đổi gen;

e) Muối;

f) Các loại thực phẩm có chứa thành phần chính, hoặc thành phần quyết định đặc tính đặc trưng, tên gọi của sản phẩm từ các nhóm thực phẩm nêu trên.

3. Xây dựng, quản lý hệ thống kiểm nghiệm an toàn thực phẩm đáp ứng yêu cầu quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

4. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm đối với quá trình sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu đối với các thực phẩm thuộc phạm vi quản lý.

5. Thực hiện các trách nhiệm khác được phân công theo quy định tại Điều 63 của Luật an toàn thực phẩm.

Điều 21. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Công thương

1. Thực hiện các quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước được phân công quy định tại Điều 64 của Luật an toàn thực phẩm.

2. Xây dựng, quản lý hệ thống kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm đáp ứng yêu cầu quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

3. Quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với các loại rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột và tinh bột và các thực phẩm khác có chứa thành phần chính, hoặc thành phần quyết định đặc tính đặc trưng, tên gọi của sản phẩm từ các nhóm thực phẩm nêu trên

4. Quản lý điều kiện an toàn thực phẩm đối với các chợ, siêu thị, chợ đầu mối và hệ thống dự trữ, phân phối hàng hóa thực phẩm.

5. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

Điều 22. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau:

a) Tổ chức và chỉ đạo hoạt động của cơ quan kiểm tra an toàn thực phẩm của địa phương; Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp về an toàn thực phẩm tại địa phương theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức thực hiện quy định của Chính phủ, các Bộ, ngành về quản lý an toàn thực phẩm theo phân cấp quản lý; Quản lý việc công bố hợp qui, cấp giấy chứng nhận điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo phân cấp quản lý của các Bộ chuyên ngành và theo qui định của pháp luật; Quản lý việc cấp các giấy chứng nhận lưu hành tự do, chứng nhận y tế, chứng nhận nguồn gốc, xuất xứ hoặc các giấy chứng nhận khác có liên quan đối với thực phẩm tiêu dùng nội địa.

c) Ban hành các biện pháp khuyến khích, tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn nâng cao điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm. Chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương xây dựng và thực hiện chương trình đảm bảo an toàn thực phẩm.

d) Chỉ đạo việc điều tra, khắc phục và giải quyết hậu quả ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm trên địa bàn.

đ) Thanh tra việc chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật;

e) Theo dõi, thống kê, tổng hợp tình hình an toàn thực phẩm trên địa bàn. Định kỳ hằng quý, sáu tháng, hằng năm và đột xuất tổng hợp báo cáo gửi Bộ Y tế và các Bộ quản lý chuyên ngành về tình hình và kết quả kiểm tra an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

f) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn pháp luật, cung cấp thông tin về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng;

2. Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại địa phương theo phạm vi quản lý của các Bộ chuyên ngành tương ứng và phân cấp cụ thể của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;

Sở Y tế chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn; làm đầu mối tổng hợp, báo cáo tình hình an toàn thực phẩm tại địa phương cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Y tế và các Bộ quản lý chuyên ngành.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau:

a) Tham gia hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm lưu thông trên thị trường; xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm theo thẩm quyền;

b) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về an toàn thực phẩm lưu thông trên thị trường theo quy định của pháp luật;

c) Theo dõi, thống kê, tổng hợp tình hình an toàn thực phẩm lưu thông trên thị trường tại địa phương;

d) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn thực hiện pháp luật về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác về an toàn thực phẩm theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn thực phẩm;

b) Tổ chức hướng dẫn kỹ thuật, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ trên địa bàn theo phân cấp quản lý;

c) Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra, thanh tra về an toàn thực phẩm trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác về an toàn thực phẩm theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 23. Phối hợp giữa các bộ quản lý ngành trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

Các bộ quản lý ngành trong phạm vi quản lý nhà nước của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Y tế trong việc thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước để bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm có hiệu quả.

1. Phối hợp trong công tác phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm

- Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương tổ chức thực hiện chương trình giám sát, phòng ngừa và ngăn chặn sự cố an toàn thực phẩm theo quy định tại Điều 52 Luật An toàn thực phẩm

- Khi nhận được thông tin cảnh báo về sự cố an toàn thực phẩm ở nước ngoài, Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tổ chức thực hiện các biện pháp ngăn chặn sự cố.

- Khi xảy ra ngộ độc thực phẩm, Bộ Y tế chịu trách nhiệm tổ chức cấp cứu, điều trị kịp thời cho người bị ngộ độc thực phẩm. Khi cần thiết yêu cầu các bộ ngành liên quan tiến hành phối hợp điều tra nguyên nhân kể cả việc truy xuất nguồn gốc thực phẩm.

2. Vấn đề kiểm soát lô hàng thực phẩm nhập khẩu hỗn hợp

- Bộ trưởng Bộ Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương có trách nhiệm chỉ định các cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm để kiểm soát các thực phẩm nhập khẩu thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

- Đối với những lô hàng thực phẩm nhập khẩu gồm nhiều loại thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của từ 2 Bộ trở lên *thì căn cứ vào mặt hàng thực phẩm chính,*

chiếm số lượng mặt hàng lớn trong lô hàng đó thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của Bộ nào thì Bộ đó chịu trách nhiệm kiểm soát.¹

3. Vấn đề cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với những cơ sở sản xuất/kinh doanh nhiều sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 Bộ trở lên

Đối với những cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 Bộ trở lên, *thì lấy mặt hàng chủ đạo của cơ sở sản xuất/kinh doanh đó để giao cho Bộ có chức năng quản lý mặt hàng đó cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm.²*

MỤC II

THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 24. Cơ quan được giao chức năng thanh tra an toàn thực phẩm

Thanh tra về an toàn thực phẩm là thanh tra chuyên ngành. Bộ trưởng các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công thương giao chức năng thanh tra an toàn thực phẩm cho các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thuộc các ngành: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công thương.

Điều 25. Phối hợp giữa các bộ, ngành và các lực lượng khác trong thanh tra an toàn thực phẩm

1. Các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công thương chịu trách nhiệm thanh tra về an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý theo quy định tại các Điều 62, 63, 64, 65, 67 Luật An toàn thực phẩm.

2. Khi có yêu cầu thanh tra liên ngành thì Bộ Y tế chủ trì, phối hợp và phân công cho các bộ quản lý ngành, các lực lượng liên quan khác tổ chức thanh tra liên ngành.

¹ *Phương án 2: Đối với những lô hàng thực phẩm nhập khẩu gồm nhiều loại thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của từ 2 Bộ trở lên, thì thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ nào thì Bộ đó chịu trách nhiệm kiểm soát.*

² *Phương án 2: Đối với những cơ sở sản xuất/kinh doanh nhiều sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 Bộ trở lên, thì sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ nào thì Bộ đó chịu trách nhiệm cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh của dây chuyền sản xuất thực phẩm đó*

3. Bộ Y tế thanh tra, kiểm tra đột xuất đối với toàn bộ quá trình sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của các bộ khác trong những trường hợp sau:

a) Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ hoặc Trưởng Ban Chỉ đạo liên ngành trung ương về vệ sinh an toàn thực phẩm.

b) Phát hiện thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm vi phạm có nguy cơ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng.

c) Theo đề nghị của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 27. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b).

TM. CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng